

TUẦN 6**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Sinh hoạt dưới cờ: Tổng kết hoạt động Viết câu chuyện của tôi (tiết 16)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận diện được sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, các sản phẩm được lưu giữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động mở đầu: Khởi động (3 - 5')**

- Chào cờ, hát quốc ca, đội ca, ổn định chỗ ngồi.

2. Hoạt động thực hành, luyện tập (20 - 25')

- Giáo viên tổ chức cho HS chia sẻ câu chuyện trước lớp.
- HS lắng nghe và tham gia theo sự hướng dẫn của GV.
- GV nhắc nhở HS ngồi đúng vị trí, tập trung nghe bạn trình bày.
- GV mời một số HS bày tỏ cảm nghĩ khi nghe câu chuyện của bạn.
- GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc của bản thân khi tham gia tổ chức sự kiện.
- GV tổng kết chương trình, khen thưởng các HS đã thực hiện và đạt kết quả tốt

3. Hoạt động tổng kết, dặn dò (3 - 5')

- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. Giao nhiệm vụ chuẩn bị cho tiết học sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

..

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Sự thay đổi của em (tiết 17)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Thông qua hoạt động:

- Thông qua hoạt động, HS sáng tạo được tác phẩm Hành trình khôn lớn để thể hiện những sự thay đổi của bản thân từ nhỏ đến hiện tại.
- Giới thiệu về sự thay đổi của bản thân thể hiện qua tác phẩm Hành trình khôn lớn.
- Thể hiện được sự tự hào về những thay đổi tích cực của bản thân.
- Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, tranh ảnh, ...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động (3 – 5')

- GV tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi ***“Tôi trưởng thành!”***
- GV phổ biến luật chơi: *Quản trò hô “Tôi trưởng thành! Tôi trưởng thành!”, cả lớp trả lời: “Trưởng thành về điều gì?”. Quản trò sẽ đưa ra yêu cầu: “Trưởng thành vì...” và cả lớp thể hiện yêu cầu của quản trò bằng hành động, trò chơi tiếp tục theo lệnh của quản trò.*
- GV lấy ví dụ để HS hiểu rõ luật chơi:
 - + *Quản trò hô “Trưởng thành vì tự tin hơn” → cả lớp nở nụ cười.*
 - + *Quản trò hô “Trưởng thành vì là người tự tin” → cả lớp đứng thẳng vai, mắt nhìn vào người đối diện.*
- GV nhận xét, tổng kết trò chơi.
- GV tổ chức cho HS chia sẻ: *Sau khi chơi xong, em đã thấy được những đặc điểm cho thấy sự trưởng thành của bản thân chưa? Đó là đặc điểm gì?*
- GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài học: *Trò chơi giúp em nhận biết được những đặc điểm trưởng thành của bản thân. Những đặc điểm đó thể hiện và biểu hiện thế nào ở mỗi cá nhân, chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé – **Tuần 6 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Sự thay đổi của em.***

2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 - 25')

Hoạt động 1: Sáng tạo tác phẩm Hành trình khôn lớn.

- GV yêu cầu HS chuẩn bị:
- + Các bức ảnh, tư liệu về bản thân được lưu giữ từ nhỏ đến thời điểm hiện tại.
- + Giấy khổ lớn, bút màu, kéo, hồ dán...
- GV hướng dẫn HS sáng tạo tác phẩm Hành trình khôn lớn theo gợi ý:
- + Tập hợp các bức ảnh, tư liệu về bản thân được lưu giữ từ nhỏ đến thời điểm hiện tại.
- + Suy nghĩ về ý tưởng thể hiện tác phẩm có nội dung thể hiện sự thay đổi của bản thân.
- + Lựa chọn hình thức thể hiện tác phẩm phù hợp: an-bum, tranh vẽ, lược đồ, sơ đồ, truyện tranh...
- + Vẽ tranh hoặc sắp xếp các bức ảnh, tư liệu về bản thân theo tưởng tượng của em.
- + Viết chú thích cho các bức tranh, ảnh.
- + Trang trí tác phẩm thật sinh động, hấp dẫn.
- GV tổ chức cho các nhóm tham gia chơi *Đố bạn*.
- GV cho HS quan sát mẫu SGK tr.19 để tham khảo.



- GV tổ chức cho HS tiến hành sáng tạo tác phẩm *Hành trình khôn lớn* theo ý tưởng của mình.
- GV khen ngợi HS đã tích cực tham gia vào hoạt động sáng tạo tác phẩm *Hành trình khôn lớn* để thể hiện những thay đổi của bản thân.

Hoạt động 2: Triển lãm tác phẩm Hành trình khôn lớn.

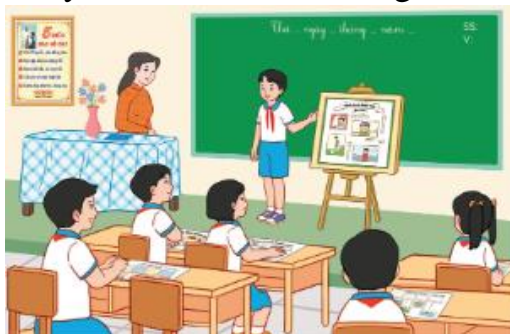
Nhiệm vụ 1: Thảo luận và thống nhất ý tưởng trưng bày các tác phẩm

- GV giới thiệu nội dung, ý nghĩa hoạt động triển lãm các tác phẩm *Hành trình khôn lớn*.
- GV hướng dẫn HS thảo luận và thống nhất ý tưởng trưng bày các tác phẩm.
- GV gợi ý các nhóm trưng bày vào 4 – 6 góc trong lớp học.
- GV hướng dẫn HS sắp xếp các tác phẩm vào khu vực trưng bày.
- GV tổ chức cho HS đi xem tác phẩm của các bạn và tặng sao và dán sticker cho tác phẩm mình yêu thích.

Nhiệm vụ 2: Giới thiệu về sự thay đổi của bản thân thể hiện qua tác phẩm

- GV mời một số HS chia sẻ suy nghĩ và cảm nhận của bản thân sau khi xem triển lãm theo gợi ý:

- + Em thích tác phẩm của bạn nào nhất? Vì sao?
- + Em nhận ra bản thân đã thay đổi như thế nào trong hành trình khôn lớn của mình?



- GV kết luận: Tác phẩm Hành trình khôn lớn thể hiện những thay đổi tích cực trong quá trình khôn lớn và những trưởng thành của các em. Hãy cố gắng tích cực rèn luyện bản thân mỗi ngày để luôn thấy tự hào về bản thân mình nhé!

3. Hoạt động: Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Trò chơi đổ bộn!

Câu 1: Theo em, trưởng thành là gì?

- A. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức và hành động.
- B. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức, suy nghĩ.
- C. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong suy nghĩ và hành động.
- D. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức, suy nghĩ và hành động

Câu 2: Thể chất là gì?

- A. Là những đặc trưng tương đối ổn định về hình thái và chức năng của cơ thể được hình thành và phát triển do bẩm sinh di truyền.
- B. Là những đặc trưng tương đối ổn định về hình thái và chức năng của cơ thể được hình thành và phát triển do bẩm sinh di truyền và điều kiện sống.
- C. Là những đặc trưng ổn định về hình thái và chức năng của cơ thể được hình thành và phát triển do điều kiện sống.
- D. Là những đặc trưng ổn định về hình thái và chức năng của cơ thể được hình thành và phát triển do bẩm sinh di truyền và điều kiện sống.

Câu 3: Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Sự lớn lên về thể chất thể hiện sự biến đổi về mặt hình thái, tính cách. Những yếu

tổ đó xuất hiện dần theo thời gian.

B. Sự lớn lên về thể chất thể hiện sự biến đổi về mặt hình thái. Yếu tố đó xuất hiện dần theo thời gian.

C. Sự lớn lên về thể chất thể hiện sự biến đổi về mặt đặc điểm, hình thái. Những yếu tố đó xuất hiện dần theo thời gian.

D. Sự lớn lên về thể chất thể hiện sự biến đổi về mặt đặc điểm, hình thái, tính cách. Những yếu tố đó xuất hiện dần theo thời gian.

Câu 4: Đây là tính từ miêu tả sự thay đổi về dáng vẻ bên ngoài?

A. Tỉ mỉ.

B. Chăm chỉ.

C. Khôn khéo.

D. Chững chạc.

Câu 5: Theo em, thói quen là quá trình gì?

A. Luyện tập với cường độ cao trong thời gian quy định.

B. Thực hiện liên tục, có kế hoạch trong một thời gian dài.

C. Rèn luyện với tần suất giảm dần trong thời gian ngắn.

D. Phối hợp giữa học tập và rèn luyện trong thời gian quy định.

- GV mời 2 -3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV nhận xét, chốt đáp án:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	D	B	C	D	B

- Nhận xét, củng cố sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....
..

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Sinh hoạt lớp: Tọa đàm về chủ đề Em đã khôn lớn (tiết 18)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS chơi hăng hái tham gia sinh hoạt tập thể tại lớp.

- HS tham gia sinh hoạt lớp đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần 5.
- Nắm được kế hoạch tuần 6.
- Chia sẻ và học hỏi được về cách phát triển bản thân theo hướng tích cực.
- Mạnh dạn, tự tin chia sẻ ý kiến của bản thân trong buổi toạ đàm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh ảnh, tư liệu tuần học vừa qua.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động (3 - 5')

- GV mở bài hát “Trường em” để khởi động bài học.
- + GV cùng chia sẻ với HS về nội dung bài hát.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Luyện tập, thực hành (20 - 25')

* Hoạt động 1: Sơ kết hoạt động trong tuần.

- GV nhận xét chung về tình hình hoạt động của lớp trong tuần.
 - Ưu điểm:
 - Các em đi học đầy đủ, đúng giờ.
 - Vệ sinh cá nhân, trường lớp sạch sẽ.
 - Làm bài tập về nhà đầy đủ....
 - Nhược điểm:
 - Tuy có nhiều ưu điểm nhưng vẫn còn tồn tại một số vấn đề như sau:
 - + Vẫn còn tồn tại việc nói chuyện riêng trong giờ học.
 - + Còn có những học sinh về nhà chưa làm bài tập.
 - + Có nhiều học sinh chưa chuẩn bị bài trước khi đến lớp....

* Hoạt động 2: Xếp loại thi đua trong tuần.

- Các tổ tự bình xét thi đua trong tuần dưới sự điều khiển của tổ trưởng.

* Hoạt động 3: Kế hoạch tuần 6

- Tiếp tục phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.
- Tham gia chương trình lớp học xanh.
- Tham gia tích cực trang trí lớp chào đón chuẩn bị năm học mới.
 - Sinh hoạt theo chủ đề:

Hoạt động 2: Toạ đàm về chủ đề Em đã lớn hơn

Nhiệm vụ 1: Tham gia buổi tọa đàm

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho buổi tọa đàm:
- + Phân công một HS dẫn dắt buổi tọa đàm.
- + Kê bàn ghế, sắp xếp lớp học phù hợp với không gian buổi tọa đàm.
- GV hướng dẫn HS tổ chức buổi tọa đàm

**Nhiệm vụ 2. Đặt câu hỏi và thảo luận những nội dung liên quan đến chủ đề tọa đàm**

- GV tổ chức cho HS đặt câu hỏi và thảo luận những nội dung liên quan đến chủ đề *Em đã lớn hơn*.
- GV gợi ý cho HS cụ thể như sau:
 - + Những thay đổi tích cực của bản thân trong thời gian qua.
 - + Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi của em.
 - + Cảm xúc của em về sự thay đổi của bản thân.
 - + Kế hoạch phát triển bản thân trong thời gian tới...
- GV tổ chức cho HS trao đổi, chia sẻ ý kiến về những vấn đề xoay quanh chủ đề buổi tọa đàm.
- GV khuyến khích HS chia sẻ tích cực.
- GV mời một số HS chia sẻ bài học rút ra được sau buổi tọa đàm.
- GV nhận xét và tổng kết hoạt động.
- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

.

HĐ STEM**BÀI 1. ĐÈN ĐỂ BÀN THÔNG MINH (2 Tiết)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau khi học bài này, HS sẽ:

1. Năng lực

- Nêu được tên gọi các bộ phận của đèn để bàn thông minh.
- Đề xuất được các bước lắp ráp đèn để bàn thông minh.
- Thực hành lắp ráp được bộ đồ dùng lắp ráp đèn để bàn thông minh.
- Rèn kĩ năng quan sát, làm việc nhóm.
- Có khả năng vận dụng, sáng tạo.

2. Phẩm chất:

- Có ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với môi trường.
- Hứng thú, tích cực tham gia các hoạt động khám phá khoa học.

II. CHUẨN BỊ**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Tranh ảnh minh họa bài học
- Clip hướng dẫn thực hành.
- Phiếu học tập
- Bộ lắp ráp mô hình Đèn để bàn thông minh

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Băng dính hai mặt.
- Tranh, ảnh các chi tiết chính của bộ lắp ráp mô hình Đèn để bàn thông minh

III. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH**1. Khởi động (5 phút)**

Gắn kết hình ảnh đèn để bàn thật và mô hình lắp ráp đèn để bàn thông minh.

- GV cho HS quan sát hình ảnh trong SHS, yêu cầu HS nêu tên thiết bị trong hình.
- GV yêu cầu HS nêu lên lợi ích của thiết bị đó.
- GV mời một số HS trả lời và giới thiệu bài mới.

2. Khám phá (20 phút)

Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo của mô hình đèn để bàn thông minh

- GV giới thiệu về cấu tạo mô hình đèn để bàn thông minh (Có thể dùng sản phẩm thật hoặc chiếu trên màn hình).

- Tên gọi: Đèn để bàn thông minh
- GV yêu cầu HS nêu tên các bộ phận của đèn để bàn thông minh.
- GV mời một số HS trả lời và nhận xét chung
- GV giới thiệu nguyên lý làm việc: Đèn sử dụng một mạch chuyển đổi, pin cung cấp năng lượng, dòng điện được điều khiển bởi công tắc. Khi bật công tắc, dòng điện chạy đến đèn LED, năng lượng điện chuyển thành năng lượng ánh sáng.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về các chi tiết của bộ lắp ráp mô hình đèn để bàn thông minh

- GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động 2 trong SHS.
- GV cho HS quan sát bộ lắp ráp mô hình đèn để bàn thông minh



- GV yêu cầu HS chỉ ra các chi tiết thuộc bộ phận nguồn điện, thân đèn, chân đèn, bóng đèn, chụp đèn.



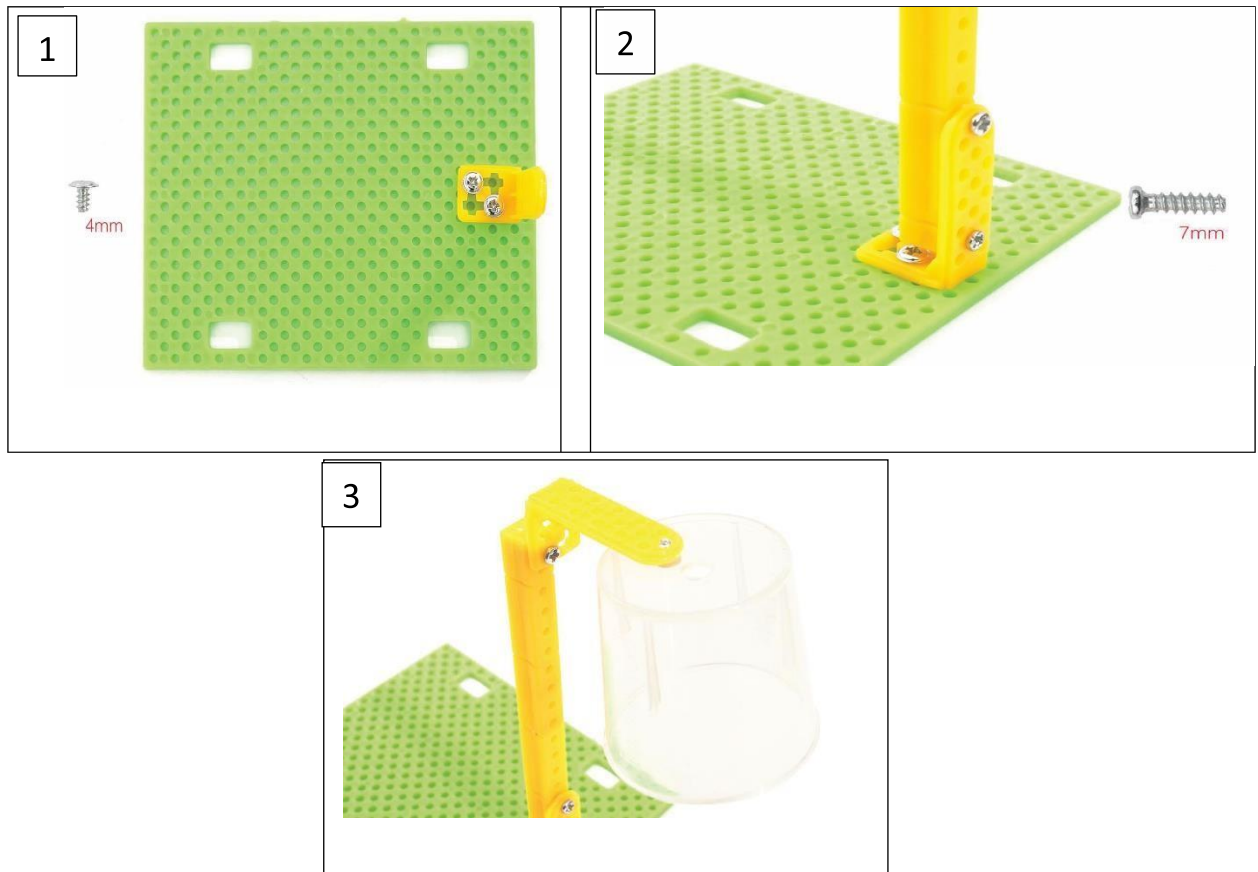
- GV yêu cầu HS chỉ ra các chi tiết thuộc bộ phận nguồn điện, chân đèn, thân đèn, bóng đèn, chụp đèn.
- + Nguồn điện: cung cấp năng lượng
- + Thân đèn, chân đèn: giữ thẳng bằng cho đèn.
- + Chụp đèn: bảo vệ bóng đèn.
- + Bóng đèn: tạo ra năng lượng ánh sáng
- GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét. GV nhận xét chung.

3. Thực hành (25 phút)

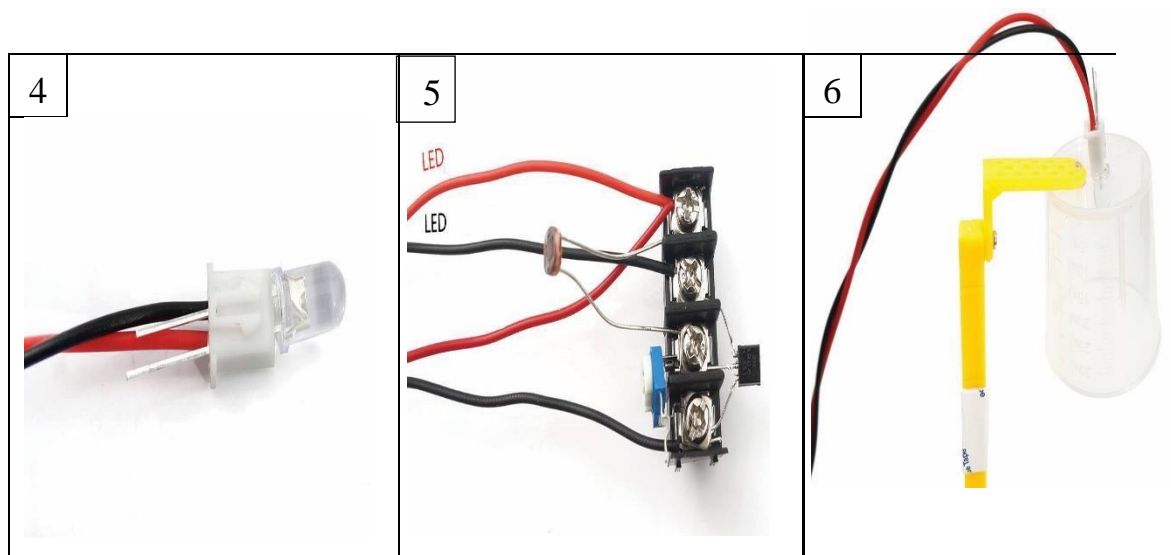
Hoạt động 3: Lắp ráp mô hình đèn để bàn thông minh

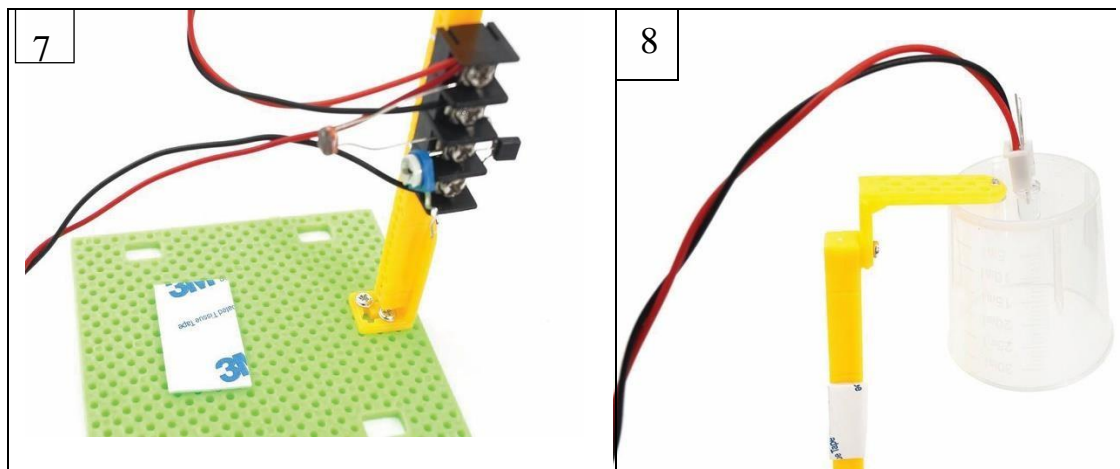
- Chuẩn bị:
 - GV phát cho mỗi HS 1 bộ lắp ráp mô hình đèn để bàn thông minh.
 - GV yêu cầu HS làm cá nhân, quan sát, các chi tiết trong bộ lắp ráp mô hình đèn để bàn thông minh.
 - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, quan sát kiểm tra số lượng các chi tiết cần thiết để lắp ráp.
- Cách thực hiện
 - GV Các nhóm, thảo luận cùng xây dựng phương án lắp ráp mô hình đèn để bàn thông minh.
 - HS tiến hành lắp ráp theo phương án đã đề xuất.
 - GV quan sát và hỗ trợ, đặt câu hỏi gợi ý để HS có thể hoàn thiện được mô hình
 - Các có thể tham khảo các bước lắp ráp sau:

Bước 1: Lắp chân, thân và chụp đèn

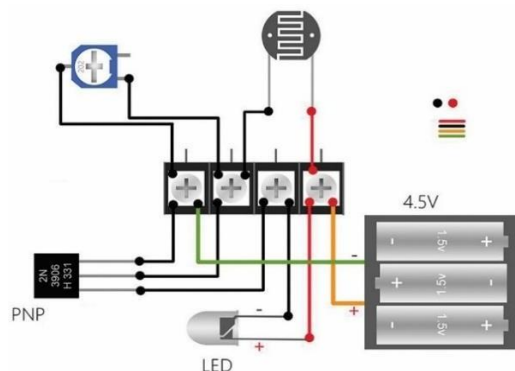


Bước 2: Lắp bóng đèn



Bước 3: Lắp nguồn điện

Gợi ý sơ đồ mạch nối

**Hoạt động 4: Chia sẻ và hoàn thiện sản phẩm**

- GV mời đại diện một số HS chia sẻ sản phẩm của mình (chọn HS lắp ráp đúng và HS lắp ráp chưa đúng) Các HS khác lắng nghe và góp ý.
- GV và HS cùng nhận xét sản phẩm của các HS lắp ráp đúng và chưa đúng ở từng bước cụ thể.
- Các nhóm hoàn thiện mô hình cho thiết bị hoạt động thử.
- GV yêu cầu các HS chưa hoàn thiện sản phẩm sẽ hoàn thiện sản phẩm (GV có thể yêu cầu các HS làm tốt sang giúp đỡ các bạn chưa hoàn thiện sản phẩm).

IV. VẬN DỤNG – MỞ RỘNG (15 phút)

- GV tổ chức cho HS sử dụng các vật liệu tái chế để trang trí đèn theo từng nhóm.
- GV phát cho mỗi nhóm 1 bộ lắp ráp, tổ chức thi lắp ráp nhanh.

V. TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ (5 phút)

- GV nhận xét quá trình hoạt động của HS, động viên, khen ngợi HS
 - GV yêu cầu HS về nhà sử dụng các vật liệu tái chế để trang trí đèn để bàn thông minh.
 - GV yêu cầu HS thu dọn đồ dùng vào đúng nơi quy định.
-

ĐẠO ĐỨC

CHỦ ĐỀ: TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC

BÀI 2: EM TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC (Tiết 6)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc) của người khác.
- Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.
- Thể hiện được bằng lời nói, hành động và thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.
- Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV chuẩn bị một số phiếu ghi thông tin (khoảng 4 phiếu), mỗi phiếu ghi tên 1 HS trong lớp.
- GV chọn một số HS có những điểm khác biệt đặc trưng so với các bạn khác về đặc điểm ngoại hình, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...
- GV mời 2 HS tham gia (1 nam, 1 nữ), mỗi em bốc 1 phiếu và mô tả đặc điểm của bạn có tên trong phiếu.
- GV mời các bạn còn lại đoán tên của “người bí ẩn” trong phiếu.
- GV nêu câu hỏi cho cả lớp: *Vì sao các em tìm được người bí ẩn trong trò chơi này?*
- GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến

(nếu có)

- GV dẫn dắt HS vào bài học

2. Hoạt động Khám phá (23 - 25')

Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Màu của cầu vồng” SGK tr.13 rồi thảo luận theo nhóm đôi.

- GV mời 1 HS đọc to câu chuyện trước lớp. HS khác lắng nghe, đọc thầm theo để nắm nội dung câu chuyện.

- GV nêu câu hỏi thảo luận nhóm đôi:

+ *Các màu sắc tranh luận với nhau về vấn đề gì?*

+ *Theo em, vì sao phải tôn trọng sự khác biệt?*

- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

- GV ghi nhận đáp án hợp lí:

+ *Các màu sắc tranh cãi nhau về vấn đề màu sắc nào là quan trọng nhất và mỗi màu sắc lại đưa ra một lí do để thuyết phục cho quan điểm của mình.*

- *Màu xanh lá – màu nổi bật nhất trên Trái đất.*
- *Màu xanh da trời – bầu trời và đại dương đều là màu xanh da trời.*
- *Màu vàng – Mặt Trời, Mặt Trăng và ngôi sao có thể chiếu sáng màu vàng.*
- *Màu da cam – có lợi cho sức khỏe.*

=> *Nhưng khi chúng kết hợp lại trở thành màu sắc của cầu vồng – một thứ kì diệu hơn phiên bản trước đó của các màu sắc.*

+ *Lí do phải tôn trọng sự khác biệt:*

- *Bất cứ ai cũng có những đặc điểm khác biệt với người khác (có thể mở rộng: ngay cả anh chị em sinh đôi cũng khác nhau về tính cách, sở thích,...) nên cần có thái độ tôn trọng sự khác biệt để giao tiếp hiệu quả, tránh xảy ra mâu thuẫn, nhất là các thái độ phân biệt đối xử, kì thị,... - đây là các thái độ tiêu cực làm cho người cùng học tập, cùng làm việc không vui vẻ và hạnh phúc.*

- *Tôn trọng sự khác biệt cũng là cơ hội để học hỏi những điểm mạnh, điểm tốt của người khác, giúp bản thân tiến bộ và hoàn thiện hơn.*
- *Tôn trọng sự khác biệt của người khác giúp mỗi người biết cảm thông, chia sẻ và giúp đỡ nhau.*
- *Tôn trọng sự khác biệt của người khác giúp tăng cường tinh thần hợp tác, đoàn kết và giúp cho xã hội cùng phát triển.*
- *Tôn trọng sự khác biệt của người khác cũng là cách tôn trọng những điểm khác biệt của bản thân.*

- GV cho HS xem video ca khúc “Điều tuyệt vời vời”

<https://youtu.be/IJheEMB7dJU>

- GV đặt câu hỏi cho HS:

+ *Bài hát gửi gắm thông điệp gì?*

+ *Em cảm thấy thế nào sau khi nghe ca khúc?*

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:

+ *Bài hát truyền động lực về một tinh thần sống lạc quan, chân thành và yêu đời đồng thời thể hiện sự tôn trọng những điều khác biệt của bản thân qua câu hát “Vì bạn là một người khác biệt, bạn là duy nhất”.*

+ *Bài hát giúp người nghe cảm thấy thoải mái, phấn chấn, yêu đời và tự tin vào bản thân hơn.*

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5’)

- GV tổ chức cho HS: *Hãy kể về một lần em không được người khác tôn trọng sự khác biệt. Khi đó, em cảm thấy như thế nào? Em hãy rút ra bài học từ câu chuyện của bản thân.*

- GV gợi ý cho HS một số hình thức thể hiện:

+ *Tình huống đó xảy ra vào lúc nào, khi nào?*

+ *Tình huống xảy ra thế nào?*

+ *Em xử lý tình huống như thế nào?*

- + Em rút ra bài học gì cho bản thân?
- GV mời một số HS trình bày. HS khác lắng nghe, nêu câu hỏi (nếu có).
- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS
- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

KHOA HỌC

Bài 4: SỰ BIẾN ĐỔI HÓA HỌC CỦA CHẤT (TIẾT 11)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được một số ví dụ đơn giản gần gũi với cuộc sống về biến đổi hóa học (ví dụ: Đinh bị gỉ, giấy cháy, than cháy,...)

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi: *Hộp quà bí mật* để khởi động bài học.
- + Câu 1: Biến đổi hóa học xảy ra khi nào?
- + Câu 2: Người ta có thể nhận ra sự biến đổi hóa học dựa vào những dấu hiệu nào?
- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (8 – 10')

2.1. Sự biến đổi hóa học của đinh sắt

- HS quan sát hình 4 SGK, đọc thông tin và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi:



- + Sự thay đổi màu sắc của đinh sắt sau khi bị gỉ

+ Biến đổi nào đã diễn ra với đinh sắt? Giải thích.

- Gọi các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung

+ Đề chống gỉ cho đinh người ta thường làm gì?

Chốt: Biến đổi hóa học đã diễn ra đối với đinh sắt vì sau một thời gian sắt đã hình thành chất mới có màu và tính chất khác. Để chống gỉ cho đinh người ta thường sơn hoặc bôi dầu mỡ lên đinh để chống gỉ.

2.2. Trình bày ví dụ về sự biến đổi hóa học

- Giáo viên cho HS làm việc cá nhân.

- Gọi HS trả lời nối tiếp mỗi em 1 ví dụ.

**GV kết luận: Có rất nhiều sự biến đổi hóa học diễn ra xung quanh chúng ta, chỉ cần chúng ta chú ý quan sát sẽ nhận ra các dấu hiệu của sự biến đổi hóa học.*

- GV giới thiệu và gọi HS đọc mục “em có biết?”

2.3. Các trường hợp biến đổi hóa học

- HS quan sát hình 8, 9 và thảo luận nhóm 4:

- Sự biến đổi nào đã xảy ra khi đun đường thành ca-ra-men? Giải thích

- Cửa sắt bị biến đổi hóa học như thế nào?

- Người ta thường làm gì để ngăn ngừa sự biến đổi hóa học của các vật làm bằng sắt?

- Gọi các nhóm nhận xét, bổ sung

**GV kết luận: Sự biến đổi hóa học có thể xảy ra dưới tác dụng của nhiệt độ (đun đường thành ca-ra-men, không khí, ánh sáng (sắt bị gỉ khi để lâu trong không khí). Để chống gỉ cho các đồ vật làm bằng sắt người ta thường sơn hoặc bôi mỡ lên các đồ vật đó.*

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- Gọi HS đọc mục em đã học

- GV hướng dẫn học sinh liên hệ kiến thức đã học để giải thích cho người thân về sự biến đổi hóa học của các trường hợp trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày .

- Hãy cùng người thân thực hiện việc chống gỉ các đồ dùng làm bằng sắt trong gia đình.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

KHOA HỌC

BÀI 6: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ CHẤT (TIẾT 12)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Tóm tắt được những nội dung chính đã học dưới dạng sơ đồ.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV đưa ra câu hỏi:
? Kể tên một số chất mà em đã học?
- GV mời một số học sinh trình bày
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: “Ôn tập chủ đề chất”

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (20 – 25')

- HS quan sát hình 1, đọc thông tin và nói với bạn về một trong những nội dung đã học trong chủ đề chất.



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- Trò chơi: Nhà ẩm thực thông thái.

- + Các nhóm cử đại diện lên chọn một trong số thức đơn của nhà hàng để cùng nhau chuẩn bị bài thuyết trình về các “món ăn” trong menu của nhóm.
- + Mỗi thực đơn có 1 món khai vị, 1 món chính và 1 món tráng miệng. Mỗi món ăn là một phần kiến thức trong chủ đề Chất.
- + Yêu cầu: Món khai vị chỉ cần nêu khái quát về nội dung yêu cầu trong thực đơn; món chính yêu cầu trình bày cụ thể, chi tiết; món tráng miệng phải giải thích cũng như xử lý một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.
- GV đưa ra các menu cho HS lựa chọn:





- HS làm việc theo nhóm 4.
- Đại diện chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét, kết luận.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5’)

- HS chia sẻ về chủ đề chất.
- GV nhận xét tuyên dương. (có thể cho xem video)
- Nhận xét sau tiết dạy.
- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

Bài 12: VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 26)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thể hiện được số đo độ dài, khối lượng, dung tích, diện tích bằng cách dùng số thập phân.
- Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến các nội dung về số thập phân.

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.
 - GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 44.
 - GV và HS cùng chia sẻ thông tin.
 - GV hướng dẫn HS thực hiện Ví dụ 1 trong SGK trang 44.
- + Viết $1\text{ m}^2\ 60\text{ dm}^2$ dưới dạng số thập phân với đơn vị mét vuông

$$1\text{ m}^2\ 60\text{ dm}^2 = \boxed{?}\text{ m}^2$$

$$1\text{ m}^2\ 60\text{ dm}^2 = 1\frac{60}{100}\text{ m}^2 = 1,6\text{ m}^2.$$

Vậy: $1\text{ m}^2\ 60\text{ dm}^2 = 1,6\text{ m}^2$

- HS thực hiện Ví dụ 2.
- HS nêu cách thực hiện.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2 (Trang 45/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.
- HS thực hiện cá nhân.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 2.

- HS đọc và xác định yêu cầu của đề bài.



- HS nêu kết quả.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi
“Cầu thang – Cầu trượt”.
- GV yêu cầu HS đọc cách chơi rồi chia sẻ cách chơi với bạn.
- Cách chơi:
 - + Chơi theo nhóm
 - + Trò chơi kết thúc khi có người về đích.
- GV tổ chức cho HS chơi theo nhóm.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

Bài 12: VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 27)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thể hiện được số đo độ dài, khối lượng, dung tích, diện tích bằng cách dùng số thập phân.
- Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến các nội dung về số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- HS nêu lại cách thực hiện viết số đo diện tích và đo độ dài dưới dạng số thập phân.
- GV yêu cầu HS viết kết quả vào bảng con.

a) $43 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

$17 \text{ dm}^2 \ 5 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

$2 \text{ cm}^2 \ 35 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

b) $6 \text{ m} \ 9 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ m}$

$8 \text{ dm} \ 5 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ dm}$

$3 \text{ cm} \ 7 \text{ mm} = \dots\dots\dots \text{ mm}$

- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 45, 46/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.
- HS thực hiện cá nhân.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 2.

- HS đọc và xác định yêu cầu của đề bài.
- HS nêu kết quả.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

Bài 3.

- HS đọc đề bài.

- HS thực hiện cá nhân.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Bài 4.

- HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 46.



- HS thảo luận nhóm đôi thống nhất kết quả.
- HS nêu kết quả và cách thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

Bài 13: LÀM TRÒN SỐ THẬP PHẦN (TIẾT 28)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Làm tròn được số thập phân đến số tự nhiên gần nhất, đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm.
- Vận dụng làm tròn, ước lượng số thập phân trong giải các bài tập, bài toán thực tế.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- HS múa hát tập thể.

- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động khám phá, hình thành kiến thức mới (8 – 10')

- HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 47.



- GV và HS cùng chia sẻ thông tin.
- HS nhắc lại cách làm tròn số tự nhiên đã học ở lớp 4.
- GV hướng dẫn cách làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất.

+ **Ta so sánh chữ số ở hàng phần mười với 5.**

+ **Nếu chữ số ở hàng phần mười bé hơn 5 thì làm tròn xuống.**

Nếu chữ số ở hàng phần mười bằng hoặc lớn hơn 5 thì làm tròn lên.



- HS chia sẻ cách làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất theo nhóm đôi.
- HS đọc phần ghi nhớ cách làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất ở khung xanh trong SGK trang 47.

3. Hoạt động luyện tập thực hành (10 – 15')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 47/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.

- HS làm việc cá nhân.
- HS báo cáo kết quả và nêu cách làm.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương.

Bài 2.

- Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề bài.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS chia sẻ kết quả.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- HS nhắc lại cách làm tròn số thập phân.
- HS làm việc theo nhóm, lập bảng thống kê chiều cao, cân nặng của nhóm như ở bài tập 2 trng SGK trang 48.
- HS chia sẻ.
- GV nhận xét.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN**Bài 11: SO SÁNH SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 29)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Làm tròn được số thập phân đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm ...
- Vận dụng làm tròn, ước lượng số thập phân trong giải các bài tập, bài toán thực tế.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

So sánh hai số thập phân

- HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 48.

a) Làm tròn số thập phân đến hàng mười.

b) Làm tròn số thập phân đến hàng trăm.



- GV và HS cùng chia sẻ thông tin.
- HS nhắc lại cách làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất.
- HS làm tròn số thập phân đến hàng phần mười.

+ So sánh chữ số ở hàng phần trăm với 5.

+ Nếu chữ số ở hàng phần trăm bé hơn 5 thì làm tròn xuống.

+ Nếu chữ số ở hàng phần trăm bằng hoặc lớn hơn 5 thì làm tròn lên.

- GV hướng dẫn HS làm tròn số thập phân đến hàng phần trăm.

+ So sánh chữ số ở hàng phần nghìn với 5.

+ Nếu chữ số ở hàng phần nghìn bé hơn 5 thì làm tròn xuống.

+ Nếu chữ số ở hàng phần nghìn bằng hoặc lớn hơn 5 thì làm tròn lên.

- HS đọc phần ghi nhớ cách làm tròn số thập phân đến hàng phần mười và hàng phần trăm ở khung xanh trong SGK trang 49.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 48/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.
- HS làm bài vào vở.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 2. ?

- HS đọc yêu cầu của đề bài.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.
- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Làm tròn số Pi đến hàng phần mười, hàng phần trăm.

Pi: 3,141592

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả.
- HS nêu kết quả.
- GV nhận xét.
- HS thảo luận theo nhóm để ước lượng số đo diện tích của một số đồ vật trong lớp.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN**CHỦ ĐỀ 3: MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH****Bài 14: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 30)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Hệ thống, củng cố kiến thức về số thập phân, so sánh số thập phân, viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, làm tròn số thập phân.
- Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến các nội dung về số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Phân số $\frac{3}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 0,3 B. 0,03 C. 0,003 D. 0,0003

+ Câu 2: Chọn dấu thích hợp điền vào chỗ chấm

7,268 7,38

- A. < B. > C. =

+ Câu 3: Giá trị của chữ số 6 trong số thập phân 23, 867 là

- A. $\frac{6}{10}$ B. $\frac{6}{100}$ B. $\frac{6}{1000}$ D. $\frac{6}{10000}$

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2 (Trang 49, 50/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.
- HS thực hiện cá nhân.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.

- GV gọi HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 2.

- HS đọc đề bài.
- HS nêu kết quả.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

Bài 3.

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu kết quả.
- GV nhận xét, tuyên dương.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Từ năm thẻ **5; 1; 7; 0;** , hãy lập tất cả các số thập phân bé hơn 1.

- GV phát cho mỗi nhóm các thẻ ghi số và dấu phẩy.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm thành lập tất cả các số thập phân từ năm thẻ số.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN CÙNG CỘ**VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 16, 17)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập, củng cố cách số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân;
- Ôn tập, củng cố cách viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân;
- Vận dụng kiến thức về cách viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân đã học vào giải quyết tình huống gắn với thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, phiếu BT.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

GV nêu câu hỏi, HS chú ý lắng nghe và giành quyền trả lời. Ai trả lời nhanh nhất,

chính xác nhất là người chiến thắng.

+ GV: “Đố bạn, đố bạn”

+ HS: “Đố gì, đố gì?”

+ GV: “ $1\text{ m}^2\ 30\text{ dm}^2$ bằng bao nhiêu mét vuông?”

+ HS: “...”

+ GV: “ $1\text{ kg}\ 350\text{ g}$ bằng bao nhiêu gam?”

+ HS: “...”

.....

- GV nhận xét, tuyên dương, sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (60 – 62')

a. Hoạt động củng cố lý thuyết

Bài toán: *Bác Tư có một khu đất, bác đã sử dụng $15,6\text{ m}^2$ đất để trồng hoa, $35\text{ m}^2\ 50\text{ dm}^2$ để trồng rau.*

- GV nêu câu hỏi:

+ **HS 1:** *Bác Tư đã dùng bao nhiêu mét vuông đất để trồng rau?*

+ **HS 2:** *Diện tích đất trồng rau ít hơn diện tích đất trồng hoa đúng hay sai?*

- GV nhận xét, tuyên dương HS nhớ kiến thức.

- GV nhận xét, chuyển sang nội dung làm bài tập.

b. Hoạt động thực hành, luyện tập

- GV phát Phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS hoàn thành vào phiếu (hoàn thành tại nhà nếu hết thời gian).

Bài tập 1: *Tìm số thập phân thích hợp*

a) $8\text{ dm}\ 4\text{ cm} = \dots\text{ dm};$

b) $1\text{ cm}\ 6\text{ mm} = \dots\text{ mm};$

c) $12\text{ tạ}\ 5\text{ kg} = \dots\text{ tạ};$

d) $7\text{ kg } 50\text{ g} = \dots\text{ kg}$;

e) $16\text{ dm}^2\text{ } 5\text{ cm}^2 = \dots\text{ dm}^2$;

g) $1\text{ m}^2\text{ } 9\text{ dm}^2 = \dots\text{ m}^2$.

- HS hoàn thành bài tập cá nhân.
- 3 HS lên bảng thực hiện, mỗi HS 2 câu.
- HS nhận xét bài làm trên bảng.
- GV chốt đáp án.

Bài tập 2:

a) Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân có đơn vị đơn là tấn.

25 tạ; 7 tấn 12 yến; 6 kg; 55 yến.

b) Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân có đơn vị đo là mét.

36 cm; 15 dm; 4 m 32 cm; 12 m 6 dm.

c) Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân có đơn vị đo là mét vuông.

15 cm^2 ; 2 dm^2 ; $9\text{ m}^2\text{ } 7\text{ dm}^2$; $25\text{ m}^2\text{ } 6\text{ cm}^2$.

- HS làm bài cá nhân.
- 3 HS lên bảng trình bày, mỗi bạn 1 câu.
- HS còn lại quan sát, nhận xét.
- GV chốt đáp án đúng.

Bài tập 3: Cho các số đo thể tích sau:

12 l 125 ml; 550 ml; 1 l 13 ml; 6 725 ml.

a) Viết các số đo thể tích dưới dạng số thập phân với đơn vị đo là lít.

b) Sắp xếp các số đo thể tích vừa tìm được ở câu a) theo thứ tự từ lớn đến bé.

- HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở chấm 3 HS bất kì và gọi 2 HS lên bảng, mỗi bạn một phần.
- Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét bài làm của bạn.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 4: Câu nào đúng? Câu nào sai?

- a) Trung bình mỗi ngày, một con voi ăn hết 120 kg thức ăn (cỏ, lá cây, ...) tức là mỗi ngày voi ăn hết 1,2 tấn thức ăn.
- b) Con Hà mã nặng 2 tấn 4 tạ tức là nó nặng 2,4 tấn.
- c) Hộp sữa tươi mẹ mua có thể tích 1 500 ml tức là 1,5 lít.
- d) Cây tre cao 33 m 5 cm tức là cây cao 33,5 m.
- e) Diện tích sân trường là $150 \text{ m}^2 2 \text{ dm}^2$ tức là $150,002 \text{ m}^2$.

- HS làm bài cá nhân.
- 1 HS trình bày đáp án, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 5: Ba xe tải cùng chở hàng cho một kho. Xe thứ nhất chở được 2,457 tấn hàng; xe thứ hai chở được 3 tấn 15 kg hàng và xe thứ ba chở đc 2 tấn 6 yến hàng. Hỏi xe nào chở được nhiều hàng nhất, xe nào chở được ít hàng nhất?

- HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở 3 HS chấm, mời 1 HS trình bày cách giải, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 6: Đẽ đóng được cái bàn học bằng gỗ, người thợ mộc đã dùng tấm gỗ hình chữ nhật có diện tích $1 \text{ m}^2 3 \text{ dm}^2$. Hỏi tấm gỗ hình chữ nhật đó có diện tích bao nhiêu mét vuông?

- HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở 3 HS chấm, mời 1 HS trình bày cách giải, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (1 – 3’)

- GV hướng dẫn HS làm bài vào phiếu, kết hợp chấm chữa bài.

Trường:.....

Lớp:.....

Họ và tên:.....

PHIẾU HỌC TẬP**I. Phần trắc nghiệm**

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Viết 24 m 17 cm dưới dạng số thập phân với đơn vị đo là mét, ta được:

- A. 24,17 m.
- B. 24,017 m.
- C. 2,417 m.
- D. 241,7 m.

Câu 2: Viết 95 tạ 5 kg dưới dạng số thập phân với đơn vị đo là tạ, ta được:

- A. 95,5 tạ.
- B. 95,05 tạ.
- C. 95,005 tạ.
- D. 95,505 tạ.

Câu 3: Hỗn số nào dưới đây biểu diễn số đo diện tích $14,84 \text{ m}^2$?

- A. $14\frac{84}{100} \text{ m}^2$.
- B. $14\frac{84}{10} \text{ m}^2$.
- C. $84\frac{14}{10} \text{ m}^2$.
- D. $84\frac{14}{100} \text{ m}^2$.

Câu 4: Điền số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

$$18 \text{ m } 81 \text{ mm} = \dots \text{ m.}$$

- A. 18,081 m.
- B. 18,81 m.
- C. 1,881 m.
- D. 188,1 m.

Câu 5: Độ đo diện tích lớn hơn 2 m^2 41 dm^2 là:

A. 2,240 m².

B. 2,042 m².

C. 2,420 m².

D. 2,402 m².

Câu 6: Độ đo thể tích 8 537 ml là:

A. 8 537 l.

B. 85,37 l.

C. 853,7 l.

D. 8,537 l.

Câu 7: Trong cùng một thời gian, Tuấn chạy được 135,32 m, Mai chạy được 120 m 2 dm.



Kết quả nào dưới đây *sai*?

A. Tuấn chạy được 135 m 32 cm.

B. Tuấn chạy được 135 m 32 dm.

C. Mai chạy được 120,2 m.

D. Tuấn chạy nhanh hơn Mai.

Câu 8: Năm 2020, sản lượng xoài của nước ta khoảng 894,8 nghìn tấn. Năm 2021, sản lượng xoài tăng 104,8 nghìn tấn so với năm 2020. Hỗn số biểu diễn số lượng xoài tăng trong năm 2021 là:

A. $104\frac{8}{100}$ nghìn tấn.

B. $104\frac{8}{10}$ nghìn tấn.

C. $104\frac{8}{1\,000}$ nghìn tấn.

D. $104\frac{80}{1\,000}$ nghìn tấn.

Câu 9: Một cửa hàng bán hàng lương thực buổi sáng bán được 1,525 yến gạo nếp; 3,82 yến gạo tẻ; $1\frac{2}{100}$ yến ngô và 2 yến 500 gam lạc.

Kết quả nào sau đây **đúng**?

- A. Cửa hàng đã bán được 1,2 yến ngô.
- B. Cửa hàng đã bán được 2,05 yến lạc.
- C. Gạo tẻ là mặt hàng bán được nhiều nhất của cửa hàng.
- D. Gạo nếp là mặt hàng bán được ít nhất của cửa hàng.

Câu 10: Diện tích của 3 mảnh đất A, B và C lần lượt là $120\text{ m}^2\text{ }2\text{ dm}^2$, $120\text{ m}^2\text{ }2\text{ cm}^2$ và $201\text{ m}^2\text{ }2\text{ cm}^2$. Thứ tự từ lớn đến bé của các số đo diện tích là:

- A. $120\text{ m}^2\text{ }2\text{ cm}^2$; $201\text{ m}^2\text{ }2\text{ cm}^2$; $120\text{ m}^2\text{ }2\text{ dm}^2$.
- B. $120\text{ m}^2\text{ }2\text{ cm}^2$; $120\text{ m}^2\text{ }2\text{ dm}^2$; $201\text{ m}^2\text{ }2\text{ cm}^2$.
- C. $201\text{ m}^2\text{ }2\text{ cm}^2$; $120\text{ m}^2\text{ }2\text{ cm}^2$; $120\text{ m}^2\text{ }2\text{ dm}^2$.
- D. $201\text{ m}^2\text{ }2\text{ cm}^2$; $120\text{ m}^2\text{ }2\text{ dm}^2$; $120\text{ m}^2\text{ }2\text{ cm}^2$.

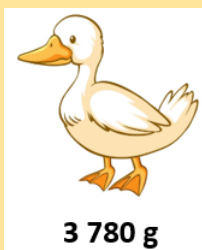
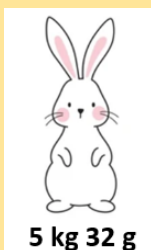
II. Phần tự luận.

Bài 1: Tìm số thập phân thích hợp.

- a) $36\text{ cm } 5\text{ mm} = \dots\text{ cm}$;
- b) $12\text{ dm } 25\text{ mm} = \dots\text{ dm}$;
- c) $30\text{ cm}^2\text{ } 14\text{ mm}^2 = \dots\text{ cm}^2$;
- d) $92\text{ m}^2\text{ } 7\text{ dm}^2 = \dots\text{ m}^2$;
- e) $111\text{ tạ } 25\text{ kg} = \dots\text{ tạ}$;
- g) $12\text{ kg } 150\text{ g} = \dots\text{ kg}$.

Bài 2: Cho bảng sau:

Con Thỏ	Con Vịt	Con mèo
---------	---------	---------



Câu nào đúng? Câu nào sai?

- a) Con thỏ nặng 5,032 kg; con vịt nặng 3,78 kg.
- b) Con thỏ nặng 5 320 g; con mèo nặng 4 970 g.
- c) Con vịt nặng hơn con mèo và nhẹ hơn con thỏ.
- d) Con mèo nặng hơn con thỏ và nhẹ hơn con vịt.
- e) Con thỏ nhẹ hơn con mèo và nặng hơn con vịt.

Bài 3: Nhà cô Năm có ba chuồng lợn. Biết rằng mỗi ngày, chuồng thứ nhất lợn ăn hết 5 yến 3 kg cám; chuồng thứ hai lợn ăn hết 6 yến 200 gam cám và chuồng thứ ba lợn ăn hết $4\frac{25}{100}$ yến cám.

- a) Viết các số đo khối lượng cám lợn đã ăn trong một ngày của mỗi chuồng dưới dạng số thập phân theo đơn vị yến.
- b) Chuồng nào lợn ăn nhiều cám nhất? Chuồng nào lợn ăn ít cám nhất.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Bác đặt cửa cây gỗ thành ba khúc. Biết rằng khúc gỗ thứ nhất dài 3 m 18 cm; khúc gỗ thứ hai dài 4,05 m và khúc gỗ thứ ba dài $3\frac{2}{10}$ m.

- a) Viết số đo độ dài của mỗi khúc gỗ theo đơn vị mét.
- b) Khúc gỗ nào dài nhất? Khúc gỗ nào ngắn nhất?

Bài giải

Bài 5: Nhà Lan có một mảnh đất hình chữ nhật, mẹ Lan dùng $15 \text{ m}^2 6 \text{ dm}^2$ để trồng bắp cải; $10 \text{ m}^2 30 \text{ dm}^2$ để trồng cà rốt; $25, 35 \text{ m}^2$ để trồng khoai tây và $3\frac{1}{10} \text{ m}^2$ còn lại mẹ dùng trồng hoa.

a) Viết số đo diện tích của mỗi phần đất mà mẹ đã dùng để trồng bắp cải, cà rốt và hoa dưới dạng số thập phân theo đơn vị mét vuông.

b) Diện tích phần đất nào lớn nhất? Diện tích phần đất nào nhỏ nhất?

Bài giải

Bài 6: Một đội công nhân làm đường, theo kế hoạch mỗi ngày là được $1,955 \text{ km}$ đường. Biết rằng ngày thứ nhất làm được $2\frac{3}{100} \text{ km}$ đường; ngày thứ hai làm được $1 \text{ km } 754 \text{ m}$ đường và ngày thứ ba làm được $1,940 \text{ km}$ đường. Hỏi trong ba ngày, mỗi ngày làm được nhiều hơn hay ít hơn kế hoạch đã đề ra?

Bài giải**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

TOÁN CÙNG CỐ

ÔN TẬP LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 18)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Ôn tập, củng cố cách làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất;
- Ôn tập, củng cố cách làm tròn số thập phân đến hàng phần mười, hàng phần trăm;
- Vận dụng kiến thức về cách làm tròn số thập phân đã học vào giải quyết tình huống gần với thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV chiếu hình ảnh và nêu bài toán:

Bạn Dũng chia một sợi dây thừng thành ba đoạn. Đoạn thứ nhất dài 25,513 cm; đoạn thứ hai dài 43,37 cm và đoạn còn lại dài 30,92 cm.



Em hãy giúp Dũng làm tròn độ dài ba đoạn dây đến số tự nhiên gần nhất.

- HS thảo luận nhóm đôi.
- GV mời đại diện nhóm có kết quả nhanh nhất trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe và phát biểu ý kiến.
- GV nhận xét, tuyên dương, sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

2.1. Củng cố lí thuyết

- GV nêu câu hỏi:

Từ bài toán ở phần **Khởi động**, em hãy cho biết:

+ **HS 1:** Cách làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất.

+ **HS 2:** Cách làm tròn số thập phân đến hàng phần mười. Hãy làm tròn độ dài độ dài đoạn dây thứ hai đến chữ số hàng phần mười.

+ **HS 3:** Em hãy làm tròn độ dài đoạn dây thứ nhất đến chữ số hàng phần trăm.

- GV nhận xét, tuyên dương HS nhớ kiến thức.
- GV nhận xét, chuyển sang nội dung làm bài tập.

2.2. Luyện tập

Bài tập 1: Hoàn thành bảng sau:

a) Làm tròn các số thập phân sau đến hàng phần mười.

Số thập phân	Làm tròn đến hàng phần mười.
1 190,61	
128,67	
6,32	
24,07	

b) Làm tròn các số thập phân sau đến hàng phần trăm.

Số thập phân	Làm tròn đến hàng phần trăm.
33,333	
105,109	
2 348,388	
512,613	

- HS hoàn thành bài tập cá nhân.
- 2 HS lên bảng thực hiện, mỗi bạn một phần.
- HS nhận xét bài làm trên bảng.
- GV chốt đáp án.

Bài tập 2: Làm tròn các số thập phân sau đến số tự nhiên gần nhất.

- a) 24,3; b) 127,1; c) 762,4;
 d) 11,9; e) 135,6 g) 1 034,8
 h) $12\frac{4}{10}$; i) $66\frac{5}{10}$; k) $129\frac{1}{10}$;

- GV cho HS làm bài cá nhân.
- 3 HS lên bảng trình bày, mỗi bạn 3 câu.
- HS còn lại quan sát, nhận xét.
- GV chốt đáp án đúng.

Bài tập 3: Năm 2002, Thumbelina được Tổ chức Kỷ lục Thế giới Guinness chính thức xác nhận là con ngựa thấp nhất thế giới với chiều cao khoảng 44,5 cm. Còn Big

Jake trở nên nổi tiếng vào năm 2010 khi được Tổ chức Kỷ lục Thế giới Guinness trao danh hiệu là con ngựa cao nhất thế giới, nó cao khoảng 210,04 cm.

a) Chiều cao của con Thumbelina là bao nhiêu (làm tròn kết quả đến số tự nhiên gần nhất)?

b) Chiều cao của con Big Jake là bao nhiêu (làm tròn đến hàng phần mười)?

- HS làm bài cá nhân.

- GV thu vở chấm 3 HS bất kì và gọi 1 HS lên bảng, mỗi bạn một phần.

- Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét bài làm của bạn.

- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 4: Bảng sau cho biết chiều cao của 4 bạn Hùng, Mạnh, Đăng, Vinh.

Hùng	Mạnh	Đăng	Vinh
165,229 cm	168,104 cm	170,225 cm	163,582 cm

a) Làm tròn chiều cao của 4 bạn (câu a) đến hàng phần mười.

b) Cô giáo cần chọn một số bạn nam có chiều cao lớn hơn 165,5 cm đội bóng đá của lớp. Hỏi trong bốn bạn trên, có bao nhiêu bạn được chọn?

- HS làm bài cá nhân.

- 1-2 HS trình bày đáp án, cả lớp chú ý lắng nghe.

- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 5: Hiện nay cây dưa lưới đã được trồng phổ biến ở nước ta. Dưa lưới là loại trái cây ngon và có lợi cho sức khỏe.



Ba hộ gia đình A, B và C trong một ngày thu hoạch dưa lưới với khối lượng lần lượt là 85,393 kg; 72,916 kg và 85,321 kg.

a) Làm tròn khối lượng dưa lưới mỗi gia đình thu hoạch được đến hàng phần trăm.

b) Gia đình nào có thu hoạch được nhiều dưa lưới nhất?

- HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở 3 HS chấm, mời 1 HS trình bày cách giải, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- Trò chơi: Tìm nhà cho thỏ.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Làm tròn số thập phân 1 538,3 đến số tự nhiên gần nhất, ta được số mới là:

- A. 1 538.
- B. 1 539.
- C. 15 383.
- D. 153 830.

Câu 2: Làm tròn số thập phân 2,129 đến hàng phần trăm, ta được số mới là:

- A. 2,12.
- B. 2,13.
- C. 2,14.
- D. 2,15.

Câu 3: Làm tròn số thập phân 48,02 đến hàng phần mười, ta được số mới là:

- A. 48,3.
- B. 48,4.
- C. 48.
- D. 49.

Câu 4: Khẳng định nào sau đây là *sai*?

- A. Làm tròn 51,82 đến hàng phần mười rồi đến số tự nhiên gần nhất, ta được số mới là 52.

B. Làm tròn 76,135 đến hàng phần trăm rồi đến hàng phần mười, ta được số mới là 76,1.

C. 128 là kết quả làm tròn đến số tự nhiên gần nhất của số thập phân 128,9.

D. 25,05 là kết quả làm tròn đến hàng phần trăm của số thập phân 25,048.

Câu 5: Diện tích của một miếng bìa hình chữ nhật là $16,854 \text{ m}^2$, làm tròn diện tích của miếng bìa đến số tự nhiên gần nhất, ta được diện tích mới là:

A. 16 m^2 .

B. 15 m^2 .

C. 17 m^2 .

D. 18 m^2 .

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN TƯ DUY

BÀI TOÁN TÍNH TUỔI (TIẾT 11)

DẠNG 1: CHO BIẾT TỔNG VÀ HIỆU SỐ CỦA HAI NGƯỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Giúp học sinh:

- HS biết hiệu số tuổi của hai người không đổi theo thời gian.
- HS giải được các bài toán tính tuổi của hai người khi biết tổng và hiệu số tuổi.
- HS yêu thích học Toán.
- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

***Bài tập cần làm:** 100% HS hoàn thành bài tập 1; 2.

60% HS hoàn thành bài tập 3.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Phiếu bài tập, file bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động mở đầu: Khởi động: Trò chơi “QZ - Thử tài giải toán” (3 - 5 p’)

- GV sử dụng phương pháp lớp học đảo ngược. Phát phiếu học tập về nhà cho HS chuẩn bị trước.

- GV giới thiệu trò chơi: GV mời 1 HS đọc luật chơi.
- HS trả lời các câu hỏi:
- GV tổng kết trò chơi.
- GV chốt kiến thức - Giới thiệu bài.

2. Hoạt động khám phá (3 – 5p')

- GV chia học sinh thành các nhóm 4, hướng dẫn HS hoạt động theo PP khăn trải bàn.
- HS hoạt động theo dẫn dắt của GV và bầu ra nhóm trưởng của nhóm.
- **GV giới thiệu:** *Tổng số tuổi của hai anh em là 28. Cách đây 10 năm, em kém anh 2 tuổi. Hỏi hiện nay hai anh em bao nhiêu tuổi?*
- HS làm việc nhóm trong 3 phút.
- HS chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.
- GV nhận xét chốt kết quả.

Bài giải:

- Trước tiên, ta có nhận xét:
Hiệu số tuổi của hai người không thay đổi theo thời gian. Hiện nay, anh hơn em 2 tuổi.

Tuổi của anh là:

$$(28 + 2) : 2 = 15 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của em là:

$$28 - 15 = 13 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: Anh 15 tuổi; em 13 tuổi

Hoạt động thực hành vận dụng:

Vận dụng kiến thức để hoàn thành bài tập (20 - 25 p')

GV hướng dẫn HS làm phiếu bài tập kết hợp chấm chữa bài.

Phiếu bài tập:

Loại 1: Cho biết cả tổng lẫn hiệu.

Bài 1: Tuổi bố và tuổi con cộng lại được 58 tuổi. Bố hơn con 38 tuổi. Hỏi bố bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi?

Bài 2: Hiện nay mẹ và con 50 tuổi. Mẹ hơn con 26 tuổi. Tính số tuổi của mỗi người hiện nay?

Loại 2: Cho biết tổng ẩn hiệu (cho biết hiệu giấu tổng)

Bài 1: Tổng số tuổi của hai anh em là 28. Cách đây 10 năm, em kém anh 2 tuổi. Hỏi hiện nay hai anh em bao nhiêu tuổi?

Bài 2: Cách đây 20 năm, bố hơn mẹ 4 tuổi. Tổng số tuổi của bố và mẹ hiện nay là 70. Tính số tuổi của mỗi người hiện nay?

Bài 3: Tổng số tuổi của anh và em 2 năm trước là 36. Anh hơn em 4 tuổi. Tính số tuổi của mỗi người hiện nay?

Bài 4: 26 tuổi mẹ sinh con. Sau 3 năm nữa, tổng số tuổi của mẹ và con là 52. Tính số tuổi của mỗi người hiện nay?

Bài 1:

- GV cho HS tạo nhóm 4 để thảo luận theo PP khăn trải bàn.
- HS thực hành tạo nhóm và hoạt động theo hướng dẫn của GV.
- Các nhóm chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào phiếu.

**Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT*

Bài 2:

- GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập
- HS nêu yêu cầu bài tập vào vở.
- HS lên chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào vở.

**Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT*

- GV chốt nội dung bài học.
- Nhận xét kĩ năng làm bài của HS.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

BÀI TOÁN TÍNH TUỔI (TIẾT 12)

DẠNG 2: CHO BIẾT HIỆU SỐ TUỔI VÀ TỈ SỐ TUỔI CỦA HAI NGƯỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Giúp học sinh:

- HS biết hiệu số tuổi của hai người không đổi theo thời gian.
- HS giải được các bài toán tính tuổi của hai người khi biết hiệu và tỉ số tuổi của hai người.
- HS yêu thích học Toán.
- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

***Bài tập cần làm:** 100% HS hoàn thành bài tập 1; 2.

60% HS hoàn thành bài tập 3.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Phiếu bài tập, file bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động mở đầu: Khởi động: Trò chơi “Hộp quà bí mật” (3 – 5p’)



- GV sử dụng phương pháp lớp học đảo ngược. Phát phiếu học tập về nhà cho HS chuẩn bị trước, sau đó sử dụng trò chơi vòng quay may mắn để kiểm tra việc hoàn thành bài tập của HS.

- GV giới thiệu trò chơi: GV mời 1 HS đọc luật chơi.

- HS trả lời câu hỏi trực tiếp.

- HS trả lời các câu hỏi:

- GV tổng kết trò chơi.

- GV chốt kiến thức - Giới thiệu bài.

Hoạt động khám phá: (3 – 5p’)

- GV chia học sinh thành các nhóm 4, hướng dẫn HS hoạt động theo PP khăn trải bàn.

- HS hoạt động theo dẫn dắt của GV và bầu ra nhóm trưởng của nhóm.

- **GV giới thiệu:**

Bài toán: “Cha hơn con 36 tuổi, tìm tuổi của mỗi người hiện nay? Biết 5 năm trước đây tuổi cha gấp 5 lần tuổi con.”

- HS làm việc nhóm trong 3 phút.

- HS chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.

- GV nhận xét chốt kết quả.

Bài giải:

- GV tổng kết trò chơi.

- GV chốt kiến thức - Giới thiệu bài.

Hoạt động thực hành vận dụng: Vận dụng kiến thức để hoàn thành bài tập (20 - 25p’)

GV hướng dẫn HS làm phiếu bài tập kết hợp chấm chữa bài

LOẠI 1: CHO BIẾT HIỆU SỐ TUỔI CỦA HAI NGƯỜI

Bài 1: Cha hơn con 36 tuổi, tìm tuổi của mỗi người? Biết 5 năm trước đây tuổi cha gấp 5 lần tuổi con.

Bài 2: Tuổi con bằng $\frac{2}{9}$ lần tuổi mẹ. Mẹ hơn con 28 tuổi. Hỏi mỗi người bao nhiêu tuổi?

Bài 3: Năm nay con 11 tuổi. Mẹ hơn con 24 tuổi. Hỏi mấy năm nữa tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con?

Bài 4: Năm nay chú hơn cháu 24 tuổi. Hỏi 10 năm nữa cháu kém chú bao nhiêu tuổi?

Bài 5: Năm nay chú hơn tổng số tuổi của hai cháu là 21 tuổi. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa thì tổng số tuổi của hai cháu bằng tuổi chú?

Bài 1:

- GV cho HS tạo nhóm 4 để thảo luận theo PP khăn trải bàn.
- HS thực hành tạo nhóm và hoạt động theo hướng dẫn của GV.
- Các nhóm chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào phiếu.

**Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT*

Bài 2:

- GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập
- HS nêu yêu cầu bài tập vào vở.
- HS lên chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào vở.

**Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT*

- GV chốt nội dung bài học:

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

Ký duyệt của BGH**Khối trưởng ký duyệt****Người soạn****Lê Công Thắng****Nguyễn Thị Lan Anh****Cao Thị Huê**

